

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lù Xuân Tờ.
- Bà Đỗ Thị Hiếu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lù Ngọc Sơn - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Củ Thị D, sinh năm 2003; Căn cước công dân số: 002303010502; địa chỉ: thôn Đ, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

2. **Bị đơn:** Anh Thảo Seo S, sinh năm 2001; Căn cước công dân số: 002201006327; địa chỉ: thôn Đ, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2025, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Củ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Củ Thị D và anh Thảo Seo S về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020. Đến ngày 21/3/2023 chị Củ Thị D và anh Thảo Seo S đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Hà Giang (Nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang). Sau kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh S không quan tâm đến gia đình, anh S có hành vi ngoại tình với

người phụ nữ khác ở M dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Cuối năm 2024 chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang sống ly thân với anh S cho đến bây giờ. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh S không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy chị D đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang giải quyết cho được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Củ Thị D và anh Thảo Seo S có 02 con chung là cháu Thảo Đức B, sinh ngày 30/5/2021 và cháu Thảo Thị D1, sinh ngày 18/10/2023. Hiện cháu B và cháu D1 đang ở với anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Củ Thị D đề nghị anh Thảo Seo S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và cháu D1 đến tuổi trưởng thành. Chị Củ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do hiện tại chị D đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, không có thu nhập ổn định và chỉ nuôi sống bản thân nên không có điều kiện nuôi con và không thể cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ: Chị Củ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thảo Seo S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, hết thời hạn được thông báo anh S không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập vào ngày 06/01/2026, anh Thảo Seo S thừa nhận đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án để giải quyết với lý do chị Củ Thị D tự ý bỏ đi giải quyết việc ly hôn không liên quan gì đến anh S. Anh S thừa nhận anh với chị D có 02 con chung là cháu Thảo Đức B, sinh ngày 30/5/2021 và cháu Thảo Thị D1, sinh ngày 18/10/2023. Anh S có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S cố tình trốn tránh không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến gì về việc chị D xin ly hôn anh S. Tòa án không lấy được lời khai anh S, không tiến hành được phiên hòa giải.

Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 23/6/2026, anh S không có mặt tại phiên tòa. Tòa án hoãn phiên tòa và ấn định ngày 14/7/2026 tiếp tục mở phiên tòa giải quyết vụ án. Ngày 14/7/2026 anh S vẫn vắng mặt không có lý do.

Toà án xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Củ Thị D và anh Thảo Seo S từ gia đình, hàng xóm, trưởng thôn, đại diện UBND xã B được biết năm 2020 chị D và anh S về chung sống với nhau như vợ chồng. Năm 2023 anh S và chị D có con chung là cháu Thảo Đức B và cháu Thảo Thị D1. Sau khi có con chung chị D và anh S mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Hà Giang (Nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang). Việc chung sống với nhau như vợ chồng và đăng ký kết hôn là do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau kết hôn hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Cuối năm 2024 sau khi xảy ra mâu thuẫn trầm trọng chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang sống ly thân với

anh S cho đến bây giờ. Từ khi chị D và anh S sống ly thân, cháu B và cháu D1 ở với anh S và ông bà nội.

Tại biên bản xác minh ngày 11/02/2026 ông Thào Chấn S1 là bố đẻ của anh Thào Seo S cho biết từ cuối năm 2024 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang sống ly thân với anh S cho đến bây giờ. Cháu Thào Đức B và cháu Thào Thị D1 ở với anh Thào Seo S và vợ chồng ông Thào Chấn S1 từ cuối năm 2024 cho đến bây giờ.

Tại biên bản xác minh ngày 12/5/2026 ông Củ S2 Dì là bố đẻ chị Củ Thị D cho biết cuộc sống vợ chồng giữa chị Củ Thị D và anh Thào Seo S từ sau khi về chung sống với nhau thường nảy sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2024 chị Củ Thị D bỏ về nhà ông Củ S2 Dì ở thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang sống ly thân với anh Thào Seo S đến bây giờ. Hiện tại chị D đang ở nhờ nhà ông Củ Seo D2, không có thu nhập ổn định, chỉ đủ nuôi sống bản thân. Ông Củ Seo D2 khẳng định chị Củ Thị D không có điều kiện nuôi cháu Thào Đức B và cháu Thào Thị D1, nên giao cho anh S nuôi dưỡng các cháu sẽ phát triển tốt hơn khi cho chị D nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đầy đủ theo Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Củ Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Củ Thị D được ly hôn với anh Thào Seo S.

Về con chung: Giao các cháu cháu Thào Đức B, sinh ngày 30/5/2021 và cháu Thào Thị D1, sinh ngày 18/10/2023 cho anh Thào Seo S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Củ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Không có.

Về tài chung, tài sản riêng và các khoản nợ: Chị Củ Thị D và anh Thào Seo S không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem

xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Củ Thị D có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Thào Seo S và yêu cầu anh S tiếp tục nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

[2] Về thẩm quyền: Người bị kiện là anh Thào Seo S có nơi cư trú tại xã B, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

[3] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn anh Thào Seo S đã được tổng đạt hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn cố tình không chấp hành. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ các đương sự đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu, chứng cứ do Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không có căn cứ thể hiện việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[6] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Củ Thị D và anh Thào Seo S được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị D và anh S thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau; không yêu thương, không giúp nhau cùng tiến bộ. Cuối năm 2024 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang sống ly thân với anh S cho đến bây giờ. Qua xác minh tại địa phương được biết mâu thuẫn giữa chị D và anh S là đúng với thực tế. Như vậy chị D và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh S.

[7] Về con chung: Chị Củ Thị D và anh Thào Seo S có 02 con chung là cháu Thào Đức B, sinh ngày 30/5/2021 và cháu Thào Thị D1, sinh ngày 18/10/2023. Chị D đề nghị giao cháu B và cháu D1 cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy từ cuối năm 2024 (khi hai vợ chồng ly thân) cho đến phiên tòa, hai cháu Thào Đức B và Thào Thị D1 đã ở ổn định với bố và ông bà nội. Các cháu còn rất nhỏ (cháu B 5 tuổi, cháu D1 chưa đầy 3 tuổi), việc tiếp tục để các cháu sống tại môi trường quen thuộc cùng bố và ông bà nội giúp tránh được những xáo trộn mạnh về tâm lý, sinh hoạt và không gian sống. Hiện tại chị Củ Thị D không có chỗ ở riêng (đang phải ở nhờ

nhà bố mẹ đẻ), công việc làm nông không có thu nhập ổn định và bản thân chị D chỉ đủ nuôi sống bản thân. Chính bố đẻ của chị D (ông Củ Seo D2) cũng khẳng định chị D không có đủ điều kiện kinh tế và nuôi dạy con tốt bằng anh S và bên nội. Mặc dù anh S vắng mặt tại Tòa, nhưng qua xác minh thực tế, gia đình bên nội (anh S và ông bà nội) vẫn đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu D1 trong thời gian chị D sống ly thân anh S đến bây giờ. Ông nội của các cháu (ông Thào Chân S1) cũng thể hiện rõ trách nhiệm và mong muốn tiếp tục cùng con trai chăm sóc hai cháu. Hai cháu B và D1 là anh em ruột và tuổi còn rất nhỏ. Việc giao cháu B và cháu D1 cho anh S nuôi dưỡng giúp hai anh em được lớn lên cùng nhau, nương tựa vào nhau, đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, tình cảm gia đình ruột thịt. Việc tiếp tục giao cháu B và cháu D1 cho anh S trực tiếp chăm sóc sẽ bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các cháu theo các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con chung. Chị Củ Thị D đề nghị không cấp dưỡng nuôi con chung do bản thân không có công ăn việc làm, không có thu nhập. Qua xác minh được biết chị D ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, thu nhập có được từ việc làm nông cùng gia đình và chỉ đủ ăn, chị D hiện tại không có điều kiện kinh tế để cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình không buộc chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này. Nếu sau này anh Thào Seo S hoặc chị Củ Thị D có yêu cầu cấp dưỡng thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Về thăm nom và chăm sóc con chung: Chị Củ Thị D không vi phạm nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung nên không bị hạn chế về quyền này. Chị Củ Thị D có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[10] Về tài chung, tài sản riêng và các khoản nợ: Chị Củ Thị D và anh Thào Seo S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Thào Seo S được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, điều này cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[12] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[13] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Củ Thị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Thào Seo S không phải chịu án phí theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng

dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Củ Thị D về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với anh Thảo Seo S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Củ Thị D được ly hôn với anh Thảo Seo S.

3. Về con chung: Chị Củ Thị D và anh Thảo Seo S có 02 con chung là cháu Thảo Đức B, sinh ngày 30/5/2021 và cháu Thảo Thị D1, sinh ngày 18/10/2023. Giao cháu Thảo Đức B và cháu Thảo Thị D1 cho anh Thảo Seo S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Củ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi có lý do chính đáng hoặc có sự thay đổi về điều kiện kinh tế, các bên có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về con riêng: Không có.

5. Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ: Anh Thảo Seo S và chị Củ Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Củ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000012 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Củ Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Thảo Seo S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 36, Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6;
- UBND xã Bản Máy, tỉnh Tuyên Quang
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Bình